TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THAH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2024
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THAH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tuấn
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lưu Đình Tâm, bà Nguyễn Thị Hà.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh ThAh Hóa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh ThAh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Minh Nghiêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh ThAh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023; Về việc "Ly hôn, trAh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1998
Địa chỉ: Thôn ĐK, xã TT, huyện Thạch Thành, tỉnh ThAh Hóa.
- *Bị đơn:* Ah Bùi Hồng T; Sinh năm: 1992
Địa chỉ: Thôn ĐK, xã TT, huyện Thạch Thành, tỉnh ThAh Hóa.

Chị H và Anh T vắng mặt tại phiên toà (Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và Anh Bùi Hồng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Vân (nay là thị trấn Vân Du), huyện Thạch Thành vào ngày 03/7/2017. Sau khi cưới vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng T tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, thời gian kéo dài khiến hai bên đều mệt mỏi. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho chị H được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Bùi Đức T1, sinh ngày: 19/10/2017 và cháu Bùi Đức A, sinh ngày: 24/12/2022. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/11/2023, chị Nguyễn Thị H có trình bày:

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Bùi Đức T1, sinh ngày: 19/10/2017 và cháu Bùi Đức A, sinh ngày: 24/12/2022. Tại đơn khởi kiện chị H có nguyện vọng giao cháu A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, Tuy nhiên, do anh T thường xuyên không có mặt ở nhà nên ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Hồng T để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lí do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn Ah Bùi Hồng T. Giao cả hai cháu Bùi Đức T1, sinh ngày: 19/10/2017 và cháu Bùi Đức A, sinh ngày: 24/12/2022 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Hồng T. Anh T cư trú tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh T nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh

T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Ah T đã được triệu tập đến tham gia hòa giải nhưng anh T vắng mặt. Đây là trường hợp không tiến hành hào giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Chị H và anh T đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Hồng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Vân (Nay là thị trấn Văn Du), huyện Thạch Thành vào ngày 03/7/2017. Như vậy chị H, anh T kết hôn không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng T tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, thời gian kéo dài khiến hai bên đều mệt mỏi. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Đức T1, sinh ngày: 19/10/2017 và cháu Bùi Đức A, sinh ngày: 24/12/2022.

Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hội đồng xét xử thấy: Nguyện vọng của chị H là chính đáng, trách nhiệm nuôi con là của vợ, chồng. Tuy nhiên, hiện nay anh T không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng mới về nhà, không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu. Giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân

sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Hồng T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Đức T1, sinh ngày: 19/10/2017 và cháu Bùi Đức A, sinh ngày: 24/12/2022 chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trược tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2022/0001023 ngày 27/10/2023. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Hồng T. Chị H và anh T có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND thị trấn Vân Du;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.